

NGHỊ QUYẾT
**Về phê chuẩn dự toán thu ngân, chi ngân sách xã và phương án
phân bổ ngân sách xã năm 2023**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ HOÀNG HỢP
KHÓA XXI - KỲ HỌP THỨ 03

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2015 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23/3/2017 của Chính phủ về Ban hành quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hàng năm;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 181/NQ-HĐND ngày 20/12/2022 của Hội đồng nhân dân huyện khóa XXI kỳ họp thứ 7 về dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương và phương án phân bổ ngân sách cấp huyện năm 2023.

Căn cứ Quyết định số 3068/QĐ-UB ngày 23/12/2022 của Chủ tịch UBND huyện Hoàng Hoa. V/v giao dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương và phương án phân bổ dự toán thu chi ngân sách xã năm 2023.

Sau khi xem xét tờ trình số /TTr-UBND ngày /12/2022 của UBND xã về việc đề nghị phê duyệt dự toán thu, chi ngân sách xã và phương án phân bổ ngân sách xã năm 2023; Báo cáo thẩm tra số..... /BC-HĐND ngày tháng năm 2022 của Ban Kinh tế xã hội và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân xã,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê chuẩn dự toán thu chi ngân sách địa phương và phương án phân bổ ngân sách xã năm 2023 với các nội dung cụ thể như sau:

I. Tổng thu ngân sách xã:	6.382.384.000 đồng
1. Thu tại xã:	128.500.000 đồng
2. Các khoản thu điều tiết thuế :	219.510.000 đồng
3. Thu tiền sử dụng đất:	2.257.000.000 đồng
4. Thu bổ sung cân đối ngân sách:	3.777.374.000 đồng

II. Tổng chi ngân sách xã:

6.382.384.000 đồng

- | | |
|----------------------------|--------------------|
| 1. Chi thường xuyên: | 3.992.676.000 đồng |
| 2. Chi đầu tư phát triển: | 2.257.000.000 đồng |
| 3. Chi dự phòng ngân sách: | 132.708.000 đồng |

Điều 2. HĐND xã giao cho UBND xã căn cứ Nghị quyết này và các quy định hiện hành của pháp luật, ban hành Quyết định giao dự toán thu- chi ngân sách xã và phương án phân bổ ngân sách xã năm 2023. Thường xuyên chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc các cơ quan, đoàn thể thực hiện, đảm bảo công khai dự toán theo đúng quy định. Quá trình triển khai có vấn đề gì chưa hợp lý, báo cáo thường trực HĐND xã xem xét điều chỉnh bổ sung tại kỳ họp phiên gần nhất.

Thường trực HĐND, các ban của HĐND và các đại biểu HĐND xã tăng cường giám sát việc triển khai thực hiện nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND xã khóa XXI, kỳ họp thứ 05 thông qua ngày tháng 12 năm 2022 và có hiệu lực ngay sau khi thông qua.

Nơi nhận:

- TT HĐND-UBND Huyện (b/c);
- Phòng Tư Pháp (b/c);
- TT Đảng Ủy (b/c);
- UBND-UBMTTQ xã;
- Các ban ngành, các thôn –HTX (t/hiện);
- Lưu:VP

CHỦ TỊCH



Nguyễn Quang Khánh

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc giao dự toán thu, chi ngân sách xã
và phương án phân bổ ngân sách xã năm 2023.**

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ HOÀNG HỢP

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2015 của Quốc hội;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ;

Căn cứ thông tư 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 181/NQ-HĐND ngày 20/12/2022 của Hội đồng nhân dân huyện khóa XXI kỳ họp thứ 7 về dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương và phương án phân bổ ngân sách cấp huyện năm 2023.

Căn cứ Quyết định số 3068/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 của Chủ tịch UBND huyện Hoàng Hoá. V/v giao dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương và phương án phân bổ dự toán thu chi ngân sách xã năm 2023.

Căn cứ Nghị quyết số 31 /NQ-HĐND của HĐND xã khoá XXI kỳ họp thứ 05 ngày 30/12/2022, về dự toán thu, chi ngân sách xã và phương án phân bổ ngân sách xã năm 2023;

Xét đề nghị của Ban tài chính xã;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao dự toán thu, chi ngân sách xã và phương án phân bổ ngân sách xã năm 2023. (có phụ lục chi tiết kèm theo)

Điều 2. Căn cứ vào dự toán thu, chi ngân sách xã năm 2023 được giao:

Ban tài chính xã lập phương án thu và tổ chức thu hoàn thành và hoàn thành vượt mức dự toán được giao.

Các cơ quan, đoàn thể xã được giao dự toán chi ngân sách có trách nhiệm tổ chức sắp xếp nhiệm vụ chi phù hợp, chi đúng mục đích, đúng chính sách,

đúng chế độ nhà nước quy định, đảm bảo chỉ có hiệu quả nguồn ngân sách được giao. Những nhiệm vụ phát sinh trong năm các cơ quan, đoàn thể xã phải chủ động cân đối trong dự toán được giao tại quyết định này.

Điều 3. Ban tài chính xã tham mưu cho UBND xã thực hiện công khai tài chính, ngân sách theo đúng quy định và chế độ báo cáo tình hình thực hiện công khai tài chính.

Điều 4: Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Văn phòng UBND xã, Ban tài chính xã, Giám đốc kho bạc nhà nước huyện và cơ quan đoàn thể của xã có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 4 QĐ;
- UBND huyện;
- Phòng tài chính huyện;
- TT Đảng ủy; HĐND xã
- Lưu: VP

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ
CHỦ TỊCH**



Tao Ngọc Quang

Tỉnh : Thanh Hóa
Huyện: Hoàng Hóa
Xã: Hoàng Hợp

Biểu số : 01

BIỂU CÂN ĐỐI TỔNG HỢP DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2023

(Ban hành kèm theo thông tư số 344/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ tài chính)

Đơn vị: Đồng

NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN
TỔNG SỐ THU	6.382.384.000	TỔNG SỐ CHI	6.382.384.000
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	163.500.000	I. Chi đầu tư phát triển	2.257.000.000
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm	2.441.510.000	II. Chi thường xuyên	3.992.676.000
III. Thu bổ sung	3.777.374.000	III. Dự phòng	132.708.000
- Bổ sung cân đối	3.777.374.000		
- Bổ sung có mục tiêu	-		
IV. Thu chuyển nguồn			

Bộ phận tài chính, kế toán xã

Lê Thị Huyền

Ngày 03 tháng 01 năm 2023.

TM. Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn
Chủ tịch



Tào Ngọc Quang

Tỉnh : Thanh Hóa
Huyện: Hoàng Hóa
Xã: Hoàng Hợp

Biểu số 02

TỔNG HỢP DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2023

(Ban hành kèm theo thông tư số 344/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ tài chính)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	Ước thực hiện 2022		Dự toán năm 2023	
		Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX
A	B	1	2	3	4
	TỔNG THU	8.002.607.579	8.002.607.579	6.382.384.000	6.382.384.000
I	Các khoản thu 100%	813.235.896	813.235.896	163.500.000	163.500.000
	- Phí, lệ phí	43.614.100	43.614.100	35.000.000	35.000.000
	- Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi(Bao gồm tiền đền bù khi nhà nước thu hồi đất công ích)	713.855.014	713.855.014	128.500.000	128.500.000
	- Thu từ hoạt động chợ đồ, bến bãi	28.000.000	28.000.000		
	- Thu khác(Thu nợ cũ, thu trạm phát sóng viettel)	27.766.782	27.766.782		-
	- Thu phạt, tịch thu khác theo quy định	-			-
	- Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân	-			-
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm(%)	236.816.796	236.816.796	2.441.510.000	2.441.510.000
1	Các khoản thu phân chia	85.637.248	85.637.248	82.710.000	82.710.000
	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp đất ở	35.140.177	35.140.177	27.810.000	27.810.000
	- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	14.600.000	14.600.000	14.900.000	14.900.000
	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp , đất sxkd	-			-
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt	-			-
	- Lệ phí trước bạ nhà, đất	35.897.071	35.897.071	40.000.000	40.000.000
	- Thuê đất	-	-		-
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	151.179.548	151.179.548	2.358.800.000	2.358.800.000
	- Thuế thu nhập cá nhân	93.585.507	93.585.507	47.200.000	47.200.000
	- Thuế GTGT + thu nhập doanh nghiệp	47.644.623	47.644.623	54.600.000	54.600.000
	- Tiền cho thuê mặt đất mặt nước	1.249.000	1.249.000		1.240.000
	- Các khoản thu phân chia khác	8.700.418	8.700.418		
	- Thu tiền sử dụng đất	-		2.257.000.000	2.257.000.000
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã	-	-	-	-
IV	Thu chuyển nguồn	959.055.189	959.055.189	-	-
V	Thu kết dư ngân sách năm trước	97.588.698	97.588.698	-	-
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	5.895.911.000	5.895.911.000	3.777.374.000	3.777.374.000
	- Thu bổ sung cân đối	3.768.438.000	3.768.438.000	3.777.374.000	3.777.374.000
	-Thu bổ sung có mục tiêu	2.127.473.000	2.127.473.000		

Ngày 03 tháng 01 năm 2023

Bộ phận tài chính, kế toán xã

Lê Thị Huyền



Chủ tịch

Tào Ngọc Quang

TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2023

(Ban hành kèm theo thông tư số 344/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ tài chính)

ĐVT: Đồng

STT	NỘI DUNG	Ước thực hiện năm 2022			Dự toán năm 2023		
		Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX
	1	2	3	4	5	6	7
	Tổng số chi	7.764.603.881	3.278.591.689	4.486.012.192	6.382.384.000	2.257.000.000	4.125.384.000
I	Trong đó	-					3.992.676.000
1	Chi cho công tác dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội	105.908.000	-	105.908.000	77.900.000	-	77.900.000
	- Chi dân quân tự vệ	9.900.000		9.900.000	47.900.000		47.900.000
	- Chi trật tự an toàn xã hội	96.008.000		96.008.000	30.000.000		30.000.000
2	Chi giáo dục	6.771.000	6.771.000	-	461.086.000	381.086.000	80.000.000
3	Chi văn hóa thông tin, thể dục thể thao	26.187.000		26.187.000	64.142.000	26.307.000	37.835.000
4	Chi phát thanh, truyền thanh	-		-	326.892.000	326.892.000	-
5	Chi SN Y tế	18.147.000	18.147.000		40.000.000	40.000.000	-
6	Chi SN bảo vệ môi trường	43.450.000		43.450.000	50.692.000		50.692.000
7	Chi các hoạt động kinh tế	21.454.000	8.064.000	13.390.000	854.401.000	799.401.000	55.000.000
	- Giao thông	-			491.967.000	491.967.000	
	- Nông-lâm- thủy lợi- hải sản	15.780.000	2.390.000	13.390.000	35.000.000	-	35.000.000
	- Thương mại, du lịch	5.674.000	5.674.000		307.434.000	307.434.000	
	- Các hoạt động kinh tế khác (Kinh phí chỉ đạo, kiểm tra, giám sát ATTP)				20.000.000		20.000.000
8	Chi quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể	5.493.550.881	1.645.609.689	3.847.941.192	4.108.791.000	683.314.000	3.425.477.000
	Trong đó: Quỹ Lương	1.072.184.179		1.072.184.179	1.754.274.000		1.754.274.000
	8.1. Quản lý Nhà nước	5.087.401.881	1.645.609.689	3.441.792.192	3.810.917.000	683.314.000	3.127.603.000
	8.2. Đảng Cộng sản Việt Nam	96.189.000		96.189.000	97.374.000		97.374.000
	8.3. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	56.445.000		56.445.000	63.500.000		63.500.000
	8.4. Đoàn Thanh niên cộng sản HCM	55.400.000		55.400.000	45.500.000		45.500.000
	8.5. Hội liên hiệp Phụ nữ Việt Nam	16.720.000		16.720.000	13.500.000		13.500.000
	8.6. Hội Cựu chiến binh	29.850.000		29.850.000	13.500.000		13.500.000
	8.7. Hội nông dân	22.970.000		22.970.000	25.500.000		25.500.000
	8.8. Hội đồng nhân dân	96.425.000		96.425.000	30.000.000		30.000.000
	8.9. Chi hỗ trợ khác	32.150.000		32.150.000	9.000.000		9.000.000
	Tiết kiệm chi hành chính				-		

STT	NỘI DUNG	Ước thực hiện năm 2022			Dự toán năm 2023		
		Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX
	1	2	3	4	5	6	7
	Tổng số chi	7.764.603.881	3.278.591.689	4.486.012.192	6.382.384.000	2.257.000.000	4.125.384.000
9	Chi cho công tác xã hội	173.057.000	-	173.057.000	265.772.000	-	265.772.000
	- Trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghỉ việc theo chế độ quy định và trợ cấp khác	170.012.000		170.012.000	197.452.000		197.452.000
	- Trợ cấp xã hội (Quà chúc thọ mừng thọ)	-			50.250.000		50.250.000
10	- Khác	3.045.000		3.045.000	18.070.000		18.070.000
II	Chi dự phòng	-			132.708.000		132.708.000
II	Chi chuyển nguồn	1.873.034.000	1.600.000.000	273.034.000	-		

Bộ phận tài chính, kế toán xã

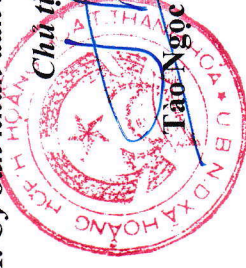


Lê Thị Huyền

Ngày 03 tháng 01 năm 2023.

TM. Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn

Chủ tịch



Tào Ngọc Quang

Tỉnh: Thanh Hoá
Huyện: Hoàng Hoá
Xã: Hoàng Hợp

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VIỆT NAM
Độc lập-Tự do -Hạnh phúc

PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2023

(Ban hành kèm theo thông tư 344/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016)

Kèm theo QĐ số: 01/QĐ-UBND ngày 03 tháng 01 năm 2023 của UBND xã Hoàng Hợp

DVT: Đồng

C	L	K	NỘI DUNG	DỰ TOÁN
1	2	3	4	5
			TỔNG CHI	6.382.384.000
989	280		SỰ NGHIỆP KINH TẾ	55.000.000
		281	Kinh phí chỉ đạo, kiểm tra giám sát ATTP	20.000.000
		281	Chi hoạt động của ngành nông, lâm, ngư nghiệp	35.000.000
989	280		CHI ĐẦU TƯ XDCB	2.257.000.000
989	280	292	Chi thanh toán nợ đọng XDCB các công trình đã phê duyệt QT, công trình đang thi công có khối lượng hoàn thành	491.967.000
989	130	139		40.000.000
989	320	321		307.434.000
989	160	161		26.307.000
989	190	191		326.892.000
822	070	071		109.000.000
989	070	072		231.396.000
989	070	073		40.690.000
805	340	341		683.314.000
989	250	261	HOẠT ĐỘNG BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	50.692.000
			Chi sự nghiệp môi trường	52.000.000
			TK chi nghiệp vụ ngành	(1.308.000)
819	340	351	ĐẢNG ỦY XÃ	97.374.000
			Chi cho công tác đảng ở tổ chức cơ sở theo QĐ99 và QĐ 2587-QĐ/TW ngày 17/10/2018; Tổ chức kỷ niệm 70 năm thành lập Đảng bộ	97.374.000
811	340	361	ĐOÀN THANH NIÊN	45.500.000
			Khoán KP hoạt động của chi đoàn (5*1.500.000)	7.500.000
			Chi hoạt động của ngành (NQ 232)	8.000.000
			Hoạt động trại hè ĐTN	30.000.000
812	340	361	HỘI LIÊN HIỆP PHỤ NỮ XÃ	13.500.000
			Khoán KP hoạt động của chi hội (5*1.500.000)	7.500.000
			Chi hoạt động của ngành (NQ 232)	6.000.000
813	340	361	HỘI NÔNG DÂN	25.500.000
			Khoán KP hoạt động của chi hội (5*1.500.000)	7.500.000
			Chi hoạt động của ngành (NQ 232)	6.000.000
			Đại Hội Nông Dân	12.000.000
814	340	361	HỘI CỰU CHIẾN BINH	13.500.000
			Khoán KP hoạt động của chi hội (5*1.500.000)	7.500.000
			Chi hoạt động của ngành (NQ 232)	6.000.000
820	340	361	ỦY BAN MẶT TRẬN TỔ QUỐC	63.500.000
			KP hoạt động của BCTMT thôn (5*2.500.000)	12.500.000
			KP hoạt động Khu dân cư thôn (5*5.000.000)	25.000.000
			Chi hoạt động của ngành (NQ 232)	6.000.000

C	L	K	NỘI DUNG	DỰ TOÁN
			KP toàn dân đoàn kết theo TT121 cấp xã	20.000.000
802	340	341	VĂN PHÒNG HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN	30.000.000
			Chế độ chi tiêu đảm bảo hoạt động của HĐND theo NQ 183/2019/NQ-HĐND ngày 10/7/2019	30.000.000
805	340	341	VĂN PHÒNG UBND	3.136.603.000
			Khoản KP hoạt động của thôn (5*3.500.000)	17.500.000
			Chi chế độ cho cán bộ công chức	1.754.274.000
			Phụ cấp BCT xã	188.884.000
			Đại biểu HĐND	154.215.000
			PC BCT thôn	378.162.000
			Phụ cấp cấp ủy	69.732.000
			Kinh phí quản lý hành chính khác mua sắm tài sản, sửa chữa thiết bị, máy móc,....	176.392.000
			Chi hoạt động hành chính	
			Chi trả cho cán bộ hợp đồng	50.700.000
			Chi tiền điện	49.424.000
			Chi công tác phí CBCC	72.000.000
			Chi VPP CBCC	51.000.000
			Cước mạng internet; điện thoại, dịch vụ công nghệ thông tin	20.000.000
			Tiền báo chí	15.000.000
			Chi tiếp cận pháp luật+ tuyên truyền+ hòa giải cơ sở	10.000.000
			Kinh phí cho cán bộ, công chức làm công tác tiếp dân theo NQ 49/2017/NQ-HĐND ngày 13/12/2018	24.000.000
			Kinh phí giám sát cộng đồng theo ND 29/2021	10.000.000
			Kinh phí kiểm soát thủ tục hành chính theo NQ 143/2018/NQ-HĐND ngày 13/12/2018	4.000.000
			Kinh phí giám sát phản biện xã hội theo NQ 109/2018/NQ-HĐND	10.000.000
			Kinh phí cộng tác viên dân số - KHH theo VB số 8870/UBND - VX ngày 23/6/2021	6.000.000
			Nghị vụ cho Cán bộ công chức dôi dư (15trđ/người/năm)	15.000.000
			Kinh phí chuyển đổi ISO	36.000.000
			Kinh phí cải cách hành chính	5.000.000
			Hỗ trợ kinh phí cho người trực tiếp giúp đỡ người được giáo dục theo quyết định định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã,... theo Nghị Quyết 250/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022	4.320.000
			Phần mềm quản lý tài sản MiSa	2.000.000
			Phần mềm kế toán xã VCS	4.000.000
			Hỗ trợ Chi hoạt động hội khuyến học	1.500.000
			Chi hỗ trợ hoạt động của hội cựu TNXP	1.500.000
			Chi hỗ trợ hoạt động hội nạn nhân chất độc da cam	1.500.000
			Chi hỗ trợ hoạt động hội chữ thập đỏ	1.500.000

C	L	K	NỘI DUNG	DỰ TOÁN
			Chi hoạt động; Đại hội nhiệm kỳ hội chữ thập đỏ	1.500.000
			Chi hỗ trợ hoạt động hội người cao tuổi	1.500.000
810	010	011	BAN QUÂN SỰ	47.900.000
			Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	30.000.000
			Kinh phí phụ cấp tăng thêm, BHXH cho ban Chỉ huy Quân sự xã	17.900.000
809	040	041	BAN CÔNG AN	30.000.000
			Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	30.000.000
			GIÁO DỤC ĐÀO TẠO	80.000.000
822	070	071	GIÁO DỤC MẦM NON	20.000.000
			Chi hoạt động	20.000.000
989	070	072	GIÁO DỤC TRUNG TIỂU HỌC	20.000.000
			Chi hoạt động	20.000.000
989	070	073	GIÁO DỤC TRUNG HỌC CƠ SỞ	20.000.000
			Chi hoạt động	20.000.000
989	070	075	TRUNG TÂM HỌC TẬP CỘNG ĐỒNG	20.000.000
			Chi hoạt động	20.000.000
			Y TẾ VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG XÃ HỘI	
823	130	132	TRẠM Y TẾ XÃ	-
			Chi HĐ bảo vệ trạm y tế	
			Chi hoạt động	
989	130	139	HOẠT ĐỘNG Y TẾ KHÁC	-
			Chi hoạt động	
989	370		CHI ĐẢM BẢO XÃ HỘI	265.772.000
989	370	374	Trợ cấp hàng tháng cho CB xã nghỉ việc theo chế độ	197.452.000
989	370	371	Chi hoạt động xã hội khác	18.070.000
825	370	398	Quà chúc thọ mừng thọ	50.250.000
989	160	161	Hoạt động thuộc lĩnh vực văn hóa, thông tin, truyền thanh	37.835.000
			Chi hoạt động văn hóa	26.600.000
			Chi hoạt động ĐTT	11.235.000
			ĐÀI TRUYỀN THANH	0
			CHI DỰ PHÒNG	132.708.000
			TIẾT KIỆM CHI	86.484.000

Hoàng Hợp, ngày 03 tháng 01 năm 2023.

KÊ TOÁN

Lê Thị Huyền

CHỦ TỊCH

Tào Ngọc Quang

Tỉnh: Thanh
Huyện: Hoàng Hoá
Xã: Hoàng Hợp

Mẫu biểu số 0

PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ XDCB NĂM 2023

(Ban hành kèm theo thông tư số 344/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ tài chính)

DVT: đồng

TT	Chương	Loại	Khoản	Diễn giải	Dự toán	Dự toán
	989	320	321	Chợ Vĩnh xã Hoàng Hợp 2016	-	-
1			321	Chợ Vĩnh xã Hoàng Hợp 2019	104.424.000	104.424
2			321	Chợ Vĩnh xã Hoàng Hợp(2020)	203.010.000	203.010
				Cộng C989, LK 321	307.434.000	307.434
3	822	070	071	Nhà ăn học sinh trường Mầm non xã Hoàng Hợp	30.000.000	30.000
4			071	Cải tạo mái nhà, lớp học, sảnh đón học sinh trường mầm non	79.000.000	79.000
				Cộng Chương 989, LK 071	109.000.000	109.000
5	989	070	072	Nhà hiệu bộ trường tiểu học xã Hoàng Hợp	30.862.000	30.862
6			072	Nâng cấp, cải tạo trường tiểu học xã Hoàng Hợp	43.218.000	43.218
7			072	Cải tạo nhà lớp học 02 tầng, nhà 01 tầng trường Tiểu học H Hợp	157.316.000	157.316
				Cộng Chương 989, LK 072	231.396.000	231.396
8	989	070	073	Cải tạo nhà lớp học 02 tầng 10 phòng trường THCS Hoàng Hợp	19.000.000	19.000
9			073	Nâng cấp cải tạo trường THCS, Nhà Hiệu bộ, phòng chức năng hai tầng, nhà lớp học 2 phòng, sân nền, sân thể thao ,	21.690.000	21.690
				Cộng Chương 989, LK 071	40.690.000	40.690
10	989	280	292	Nâng cấp cải tạo đường GTND Hoàng Hợp đường từ Minh Quang - Xứ đồng con cá	192.967.000	192.967
11			292	Kiên cố đường giao thông phục vụ sản xuất tập trung chuyên canh xã Hoàng Hợp	100.000.000	100.000
12				Cải tạo nâng cấp đường GTND xã Hoàng Hợp (Nghè Lim - Nhân Vực)	199.000.000	199.000
				Cộng C 989, LK 292	491.967.000	491.967
13		160	161	Trung tâm văn hóa thể thao (Cổng, tường rào, đường bê tông, sân khấu, rãnh thoát nước)	26.307.000	26.307
				Cộng C989, LK 161	26.307.000	26.307
14	989	130	139	Trạm y tế xã Hoàng Hợp	40.000.000	40.000
				Cộng C989, LK 131	40.000.000	40.000
15	989	190	191	Xây mới hệ thống đài truyền thanh	326.892.000	326.892
				Cộng C989, LK191	326.892.000	326.892
16	805	340	341	Công sở xã Hoàng Hợp	35.700.000	35.700
				Cải tạo công sở xã Hoàng Hợp	160.000	160

17				Nhà Hội trường UBND xã Hoàng Hợp	11.000.000	11.000
18				Xây dựng bãi rác tập trung xã Hoàng Hợp	56.000.000	56.000
19				Nhà lưới vùng sản xuất rau an toàn xã Hoàng Hợp	20.000.000	20.000
20				Hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư Lộc Ất, Hoàng Hợp	4.400.000	4.400,0
				Hạ tầng khu dân cư Đức Tiến	100.000.000	100.000,0
21				Xây dựng đường điện chiếu sáng xã Hoàng Hợp	29.000.000	29.000
22				Nhà công an, sân bê tông, cột cờ, sân vận động, cải tạo mái nhà, trạm y tế	11.051.000	11.051
23				Giải phóng mặt bằng đường Đông An	416.003.000	416.003
				Cộng C805, LK 341	683.314.000	683.314
				Tổng cộng	2.257.000.000	2.257.000
Tổng dự toán chi ngân sách xã (bằng số): 1.990.997.000 đồng						

Tổng dự toán chi ngân sách xã (bằng chữ): **Một tỷ chín trăm chín mươi triệu chín trăm chín bảy nghìn đồng/.**

Hoàng Hợp, ngày Tháng 12 năm 2022.

TM. Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn

Bộ phận tài chính, kế toán xã

Lê Thị Huyền

Chủ tịch

(Ký tên, đóng dấu)

ào Ngọc Quai



DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2023

(Ban hành kèm theo thông tư số 344/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ tài chính)

Đơn vị: 1000 đồng

Đơn vị: 1000 đồng														
STT	TÊN CÔNG TRÌNH	QĐ phê duyệt QT	Mã ngành kinh tế	Thời gian khởi công	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2022	Giá trị thanh toán đến 31/12/2022	Dự toán năm 2023				Chia theo nguồn vốn	
					Tổng số	Trong đó nguồn dân đóng góp			Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Nguồn cân đối NS	Nguồn đóng góp
	TỔNG SỐ													
I	Công trình đã phê duyệt quyết toán													
1	Chợ Vĩnh xã Hoằng Hợp	64/QĐ-UB; ngày 01/01/2016	321	2016	35.779.270	36.000	35.779.270	30.857.151	4.522.119	2.257.000	2.257.000	2.257.000	2.257.000	-
2	Công sở xã Hoằng Hợp	65/QĐ-UB, ngày 01/10/2016	341	2015	4.821.433		4.821.433	4.785.733	35.700	35.700	35.700	35.700	35.700	
3	Nhà Hội trường UBND xã Hoằng Hợp	76/QĐ-UB ngày 20/12/2017	161	2016	2.388.378		2.388.378	2.362.071	26.307	26.307	26.307	26.307	26.307	
4	Trung tâm văn hóa thể thao,(Công, tường rào, đường bê tông, sân khấu, rãnh thoát nước)	63/QĐ-UBND ngày 16/10/2017	072	2016	3.456.693		3.456.693	3.425.831	30.862	30.862	30.862	30.862	30.862	
5	Nhà hiệu bộ trường tiểu học xã Hoằng Hợp	52/QĐ-UB ; ngày 15/12/2018	341	2018	712.853		712.853	656.853	56.000	56.000	56.000	56.000	56.000	
7	Xây dựng bãi rác tập trung xã Hoằng Hợp	54/ QĐ-UB Ngày 25/10/2018	341	2018	556.000		556.000	536.000	20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	
8	Nhà lưới vùng sản xuất rau an toàn xã Hoằng Hợp	55/QĐ-UB Ngày 25/10/2018	071	2018	549.161		549.161	519.161	30.000	30.000	30.000	30.000	30.000	
9	Nhà ăn học sinh trường Mầm non xã Hoằng Hợp	45/QĐ-UB ; ngày 25/8/2019	341	2019	263524		263524	259.124,0	4.400,0	4.400,0	4.400,0	4.400,0	4.400,0	
11	Hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư Lộc Át, Hoằng													

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	QĐ phê duyệt QT	Mã ngày nh Kin h té	Thời gian khởi công	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2022	Giá trị thanh toán đến 31/12/2022	Dự toán năm 2023			
					Tổng số	Trong đó nguồn dân đóng góp			Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
											Nguyên cân đối NS	Nguyên đóng góp
12	Cải tạo nhà lớp học 02 tầng 10 phòng trường THCS Hoàng Hợp	56/QĐ-UB; ngày 25/10/2016	073	2019	349.427		349.427	330.427	19.000	19.000	19.000	
13	Cải tạo mái nhà, lớp học, sảnh đón học sinh trường mầm non	43/QĐ-UBND ngày 19/9/2018	071	2018	179.000		179.000	100.000	79.000	79.000	79.000	
14	Xây dựng đường điện chiếu sáng xã Hoàng Hợp	45/QĐ-UBND ngày 20/4/2020	341	2020	383.000	36.000,0	383.000	354.000	29.000	29.000	29.000	
15	Trạm y tế xã Hoàng Hợp	(QĐ phê duyệt 2908/QĐ - UBND ngày 14/5/2020 của UBND huyện)	139	2019	3.785.000	-	3.785.000	3.240.147	544.853	40.000	40.000	
16	Kiến cổ đường giao thông phục vụ sản xuất tập trung chuyên canh xã Hoàng Hợp	87/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	292	2019	839.000		839.000	512.390	326.610	100.000	100.000	
17	Nâng cấp, cải tạo trường tiểu học xã Hoàng Hợp	18/QĐ-UBND ngày 20/3/2021	072	2021	355.000		355.000	101.000	254.000	43.218	43.218	
18	Nâng cấp cải tạo đường GTND Hoàng Hợp đường từ Minh Quang - Xứ đồng con cá	số 05/QĐ-UB ngày 22/2/2022	292	2019	752.967		752.967	560.000	192.967	192.967	192.967	
19	Hạ tầng dân cư Đức Tiến	Số: 14/QĐ-UB 22/4/2022	341	2020	3.169.000		3.169.000	2.663.000	506.000	100.000	100.000	
20	Chợ Vĩnh xã Hoàng Hợp: Hàng mục san nền, mái vòm cải tạo nhà chợ, kiot..... Năm 2019	73/QĐ-UBND ngày 30/12/2021	321	2019	943.000		943.000	705.856	237.144	104.424	104.424	
21	Chợ Vĩnh xã Hoàng Hợp(2020)	72/qđ-UBND ngày 30/12/2021	321	2020	948.000		948.000	705.818	242.182	203.010	203.010	

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	QĐ phê duyệt QT	Mã ngày nh Kin h té	Thời gian khởi công	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2022	Giá trị thanh toán đến 31/12/2022	Dự toán năm 2023			
					Tổng số	Trong đó nguồn dân đóng góp			Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
											Nguyên cân đối NS	Nguồn đóng góp
22	Nhà công an, sân bê tông, cột cờ, sân vận động, cải tạo mái nhà, trạm y tế	64/QĐ-UBND ngày 15/12/2021	341		652.022		652.022	640.971	11.051	11.051	11.051	
23	Cải tạo nhà lớp học 02 tầng, nhà 01 tầng trường Tiểu học H Hợp	68/QĐ-UBND ngày 20/12/2021	072	2020	573.000		573.000	415.684	157.316	157.316	157.316	
24	Cải tạo công sở xã Hoàng Hợp	66/QĐ-UBND ngày 20/12/2021	341		868.240		868.240	868.080	160	160	160	
25	Nâng cấp cải tạo trường THCS, Nhà Hiệu bộ, phòng chức năng hai tầng, nhà lớp học 2 phòng, sân nền, sân thể thao , rục rãnh thoát nước, tường rào xã Hoàng Hợp	67/QĐ-UBND ngày 20/12/2021	341	2019	1.143.000		1.143.000	1.121.310	21.690	21.690	21.690	
26	Nhà bảo vệ, sân đường bê tông, bồn hoa,tường rào,san lấp mặt bằng sân thể dục,phá dỡ GPMIB (Trường Tiểu học)	75/QĐ-UBND ngày 01/6/2016	071	2016	611.047		611.047	611.047	-			
II	CT hoàn thành chưa phê duyệt quyết toán				4.257.000	-	4.257.000	2.500.000	1.357.000	941.895	941.895	-
27	Cải tạo nâng cấp đường GTND xã Hoàng Hợp (Nghè Lim - Nhân Vực)	4925/QĐ-UBND ngày 22/7/2020	292	2020	3.357.000		3.357.000	2.500.000	857.000	199.000	199.000	
28	Xây mới hệ thống đài truyền thanh		191	2022	500.000		500.000	-	500.000	326.892	326.892	
29	Giải phóng đường Đồng An		341	2020	400.000		400.000		416.003	416.003	416.003	

Ngày.....tháng 12 năm 2022

TM. Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn

Chủ tịch

Tào Ngọc Quang

Bộ phận tài chính, kế toán xã

Lê Thị Huyền

BIỂU TỔNG HỢP

KẾ HOẠCH THU, CHI CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC NĂM 2023

(Ban hành kèm theo thông tư số 344/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ tài chính)

Đơn vị: Đồng

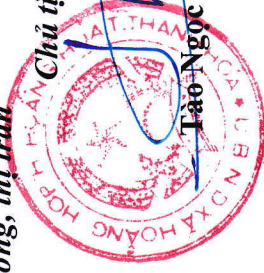
NỘI DUNG	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM TRƯỚC			KẾ HOẠCH NĂM 2023		
	THU	CHI	CHÊNH LỆCH (+) (-)	THU	CHI	CHÊNH LỆCH (+) (-)
TỔNG SỐ						
1. Các quỹ công chuyên dùng	76.108.900	58.474.500	17.634.400	76.000.000	63.000.000	13.000.000
- An ninh quốc phòng	-	0	-	-	-	-
- Phòng chống thiên tai	27.643.500	27.643.500	-	28.000.000	28.000.000	-
- Đền ơn đáp nghĩa	48.465.400	30.831.000	17.634.400	48.000.000	35.000.000	13.000.000

Ghi chú: Chênh lệch (+) thu lớn hơn chi
Chênh lệch (-) thu nhỏ hơn chi

ộ phận tài chính, kế toán x


Lê Thị Huyền

Ngày 03 tháng 01 năm 2023.
TM. Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn


Chủ tịch
Tào Ngọc Quang